

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số/TTr-SKHCCN ngày /5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND

tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch hành động được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng chuyên môn;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM/ UBND TỈNH
CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025
của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày
22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi
mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động)* với những nội dung chủ yếu sau như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW)*; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP)* và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 359-KH/TU)*.

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị địa phương, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Quảng Ngãi phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ *(Chi tiết tại Phụ lục I)*

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân. Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của địa phương. Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...). Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

b) Người đứng đầu cơ quan, địa phương phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động cụ thể. Kế hoạch hành động cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045 (*Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH&CN; doanh nghiệp KH&CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP, PII; dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số...*). Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

c) Người đứng đầu phải cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

d) Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương thức truyền thông.

- Các cơ quan báo chí, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các sở, ban ngành để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên mạng xã hội và các nền tảng số. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội, truyền hình số,...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển

đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

d) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

e) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

g) Phấn đấu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

h) Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

k) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

i) Xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, chính sách đặc thù về tài chính, tăng cường phân cấp, uỷ quyền. Đặc biệt tỉnh cần quan tâm chính sách nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, hóa chất và năng lượng đối với Đề án Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch của tỉnh tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

c) Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù được quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH12 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thành cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội thực hiện tại địa phương để hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

d) Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

đ) Hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo; ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; Quỹ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

e) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

g) Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại địa phương.

h) Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

k) Xây dựng kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045,

trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng các chiến lược về phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045; bao gồm:

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; tăng dung lượng kênh truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho cơ quan Đảng, nhà nước; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

- Thiết lập trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; phối hợp xây dựng trung tâm dữ liệu vùng; có cơ chế phát triển, khai thác các trung tâm dữ liệu được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách; ưu tiên khai thác, sử dụng hạ tầng dữ liệu do Trung ương đầu tư đối với các dữ liệu trọng yếu của tỉnh.

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo từng giai đoạn; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp 100% dữ liệu mở theo từng lĩnh vực theo kế hoạch

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

b) Hình thành Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3. Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn,... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi.

c) Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, 6G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

d) Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...

e) Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.

g) Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

h) Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng chiến lược, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, chuyên gia. Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại tỉnh. Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

b) Xây dựng chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

c) Xây dựng chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường. Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm. Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn

lực này sau khi về nước. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin hướng tới tổ chức các sản phẩm làm trực tuyến, giúp tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động.

d) Xây dựng chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực. Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp. Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

đ) Xây dựng chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng các chiến lược về Chuyển đổi số, triển khai các cơ sở dữ liệu, hệ thông tin, các nền tảng số của tỉnh Quảng Ngãi từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 bao gồm:

- Tập trung các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; tăng dần hàm lượng hoạt động của cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, thúc đẩy cải cách hành chính; tăng tỷ lệ liên thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giữa các cấp; phát triển hàm lượng và tần suất cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế từ nguồn dữ liệu cơ quan nhà nước để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Thiết lập các công cụ thu thập dữ liệu từ các nguồn, thực hiện phân tích, chuẩn hóa, lưu trữ, dán nhãn dữ liệu, là cơ sở để sử dụng các công nghệ về dữ liệu, phục vụ hoạt động hoạch định chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển.

- Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số, từng bước thiết lập công cụ để doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh..

- Thiết lập và phát triển hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông

minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực.

- Phát triển hạ tầng di động và internet ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng tổng thu ngân sách theo địa bàn. Phát triển thanh toán số, tổ chức mô hình chợ trực tuyến theo từng địa bàn để thúc đẩy kinh tế số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai thường xuyên mô hình “bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”

- Đưa nội dung, chỉ tiêu về chuyển đổi số vào văn kiện đại hội đảng trong từng giai đoạn, thực hiện tại cấp tỉnh và cấp cơ sở; xây dựng Kế hoạch thực hiện theo nhóm lĩnh vực, thực hiện tại từng cấp, từng ngành; thực hiện trên các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số; chính quyền số; kinh tế số và xã hội số; dữ liệu số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; phát triển nông thôn thông minh, đô thị thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh;.... phát triển ứng dụng các công nghệ mới như IoT, AI, Blockchain, Big Data,.... trong các ngành, lĩnh vực.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, phát triển các nền tảng số phục vụ thương mại, phục vụ cộng đồng; xây dựng công bố danh mục các hạng mục, dự án cần đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

b) Xây dựng chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công. Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; Tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; Ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo; Hợp tác với startup để triển khai giải pháp sáng tạo trong cung cấp dịch vụ công.

c) Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng: Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn. Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

- Thành lập hoặc nâng cấp Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh. Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố. Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

d) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

đ) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

e) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

g) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Xây dựng các chiến lược, chương trình, đề án cụ thể chuyển đổi số, phát triển kinh tế số từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 bao gồm:

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (sản xuất, vận hành, marketing, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chương trình của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong tình đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại tỉnh, ưu tiên doanh nghiệp có hàm lượng công nghệ số cao trong vận hành, sản xuất, nhất là doanh nghiệp có hàm lượng kinh tế cao như doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp bán dẫn.

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực của tỉnh; áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain, AI cho các sản phẩm trong tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu; đồng thời thiết lập cổng thông tin, sàn thương mại điện tử của tỉnh để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức, thông tin về sản phẩm, hàng hóa, công nghệ bằng các hình thức trực tiếp, trực tuyến.

b) Xây dựng chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh. Xây dựng hoặc nâng cấp từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu - phát triển, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để hình thành các vườn ươm khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ. Tạo điều kiện kết nối trung tâm nghiên cứu, phát triển - trường - doanh nghiệp; kết nối hệ thống các phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất và đời sống; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống. Xây dựng các chương trình ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo định kỳ.

c) Xây dựng chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn... Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

d) Xây dựng chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu. Ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...). Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

đ) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

e) Xúc tiến triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

g) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết

nổi giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

b) Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiến tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác. Ký kết hợp tác với các tổ chức phi chính phủ về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo để thu hút nguồn lực chuyên gia và nguồn lực về vốn để thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

(Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu tại Phụ lục II)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Kế hoạch hành động này, các sở ban ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

2. Các sở ban ngành có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tham mưu điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch hành động này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Thủ trưởng các sở ban ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 10 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, kịp thời báo cáo và đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành, địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Kế hoạch hành động này.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch hành động này, các sở ban ngành, địa phương chủ

động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định ban hành Kế hoạch hành động số/KH-UBND ngày/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	
1	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp							
1.1	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Doanh nghiệp	≥ 8	≥ 15	≥ 20	≥ 50	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	≥ 10	≥ 25	≥ 40	≥ 60	≥ 70	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	%	≥ 10	≥ 20	≥ 25	≥ 30	≥ 35	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	30	60	85	95	100	
2	Lĩnh vực khoa học, công nghệ							
2.1	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Người	≥ 300	≥ 400	≥ 600	≥ 800	≥ 1.000	Sở Khoa học và Công nghệ
2.2	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu hàng năm	Nhiệm vụ	≥ 5	≥ 4	≥ 15	≥ 25	≥ 50	
2.3	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai hàng năm	Nhiệm vụ	≥ 3	≥ 5	≥ 20	≥ 30	≥ 60	
2.4	Tỷ lệ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 40	≥ 60	≥ 70	≥ 80	≥ 90	
2.5	Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu	Hoàn thành					X	

2.6	Hình thành trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.	Trung tâm	-	-	-	≥ 01	≥ 01	
2.7	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”	Hoàn thành				X	X	
3	Xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)							
3.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		$\geq 0,6$	$\geq 0,75$	$\geq 0,85$	$\geq 0,92$	1,0	Sở Khoa học và Công nghệ
3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	100	100	100	100	Sở Nội vụ
3.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	≥ 80	100	100	100	100	
3.4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	90	95	97	99	Các sở ngành liên quan
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	%	-	-	-	≥ 80	≥ 90	Các sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính
3.7	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích	Hoàn thành					X	Sở Y tế và Sở Nội vụ
3.8	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, du lịch	Hoàn thành					X	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.	%	-	-	-	10	10	Sở Khoa học và Công nghệ

5	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.		-	-	-	-	X	Chi Cục Thống kê tỉnh
6	Quy mô kinh tế số	% GRDP	7	30	40	45	50	Sở Công Thương
7	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử							
7.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	≥ 70	100	100	100	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	≥ 80	100	100	100	100	
7.4	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	100	100	100	100	
7.5	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	≥ 70	100	100	100	100	
7.6	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 70	100	100	100	100	
7.8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	≥ 70	≥ 85	≥ 95	100	100	
7.9	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	50	55	60	70	100	Sở Khoa học và Công nghệ
7.10	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	60	90	100	100	100	
7.11	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	≥ 60	≥ 90	100	100	100 (Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn	

							toàn thông minh.)	
7.12	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.		-	-	-	-	X	Sở Khoa học và Công nghệ
7.13	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh	Hoàn thành	-	-	-	-	X	Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo							
8.1	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 10	≥ 30	≥ 40	≥ 45	≥ 45	Sở Khoa học và Công nghệ
8.2	Số lượng vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo		≥ 1	≥ 3	≥ 4	≥ 5	≥ 5	
8.3	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa hàng năm	Sản phẩm	≥ 5	≥ 10	≥ 15	≥ 20	≥ 25	
8.4	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hàng năm	Dự án	≥ 10	≥ 15	≥ 20	≥ 25	≥ 30	
8.5	Số dự án khởi nghiệp sáng tạo hàng năm	Dự án	-	-	-	30-40	35-45	
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.	%	≥ 5	≥ 8	≥ 10	≥ 30	≥ 35	
8.7	Bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo hàng năm	Bài báo	≥ 10	≥ 30	≥ 50	≥ 60	≥ 70	
9	Tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% tổng chi NSNN	$\geq 1,0$	$\geq 1,5$	≥ 2	$\geq 2,5$	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính
10	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% GRDP	2	3	3	3	3	Sở Khoa học và Công nghệ

11	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	≥ 7	≥ 12	≥ 14	≥ 25	≥ 30	
12	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 12	≥ 12	≥ 12	≥ 12	≥ 12	
13	Số lượng công bố khoa học							
13.1	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh đăng trên hệ thống Scopus/ISI hàng năm	Bài báo	≥ 2	≥ 5	≥ 7	≥ 10	≥ 15	Các Trường Đại học, cơ sở nghiên cứu trên địa bàn tỉnh
13.2	Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực hàng năm	Công trình	≥ 1	≥ 1	≥ 5	≥ 8	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ hàng năm (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn, văn bằng	≥ 1	≥ 5	≥ 6	≥ 8	≥ 10	
15	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận hàng năm	Sáng kiến	≥ 20	≥ 40	≥ 45	≥ 50	≥ 60	
17	Hạ tầng số							
16.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	60	100	100	100	100	
16.2	Tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	≥ 50	100	100	100	100	Sở Xây dựng
16.3	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	% dân số	-	-	50	80	100	
16.4	Ứng dụng AI, IoT, ... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân		-	-	X	X	X	
16.5	Sử dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.		-	-	X	X	X	Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường

17	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	%	≥50	≥80	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành							
18.1	Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	≥60	≥80	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ
18.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	≥40	≥70	≥90	100	100	
19	Thiết lập, vận hành, phát triển trung tâm điều hành thông minh tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.				X	X	X	
20	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID	%	≥ 85	≥ 90	≥ 95	100	100	Công an tỉnh
21	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	50	80	100	100	100	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh
22	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	%	-	≥ 10	20	30	40	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	80	95	100	100	100	Sở Y tế
24	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 30	≤ 25	≤ 20	≤ 15	≤ 10	Công an tỉnh
25	Chỉ số đổi mới sáng tạo tỉnh	Thứ bậc	≤ 30	≤ 25	≤ 20	≤ 15	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, kết hợp hoạt động thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.		X	X	X	X	X	Công an tỉnh

Ghi chú: (-): Chưa thực hiện; (X): Thực hiện

PHỤ LỤC II

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP NGÀY 01/4/2025
VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG SỐ 359-KH/TU NGÀY 29/4/2025**

(Kèm theo Kế hoạch hành động số/KH-UBND ngày/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Nhóm các nhiệm vụ về “Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”				
1	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh	Chương trình	Thường xuyên
2	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ban ngành, địa phương	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Thường xuyên
3	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Sở ban ngành, địa phương		Kế hoạch công tác	Thường xuyên
4	Hoàn thành xây dựng, cập nhật điều chỉnh kế hoạch hành động triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ban ngành, địa phương	Kế hoạch hành động	Tháng 4/2025
5	Phân đấu bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Sở ban ngành, địa phương		Có tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
6	Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.	Sở ban ngành, địa phương		Quyết định của cấp có thẩm quyền	Tháng 9/2025
II.	Nhóm các nhiệm vụ “Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”				
7	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Sở ban ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Tháng 9/2025
8	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Sở ban ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025
III.	Nhóm nhiệm vụ “Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”				
9	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.	Sở ban ngành		Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
10	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được	Sở ban ngành, địa phương	-	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Tháng 12/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.				
11	Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Các địa phương	Đề án được ban hành và hoàn thành triển khai	Tháng 6/2028
12	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 9/2025
13	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, 6G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh; các sở, ban ngành có liên quan	Kế hoạch của UBND cấp tỉnh được ban hành	Tháng 9/2025
14	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hoàn thành các CSDL quốc gia; Các CSDL dùng chung của tỉnh	Tháng 6/2026
15	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hoàn thành kết nối	Tháng 9/2026
16	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt	Tháng 5/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.			giảm giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý của Bộ chủ quản và không làm ảnh hưởng đến các Bộ khác có sử dụng thông tin, giấy tờ đó cũng sẽ được cắt giảm	
IV	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
17	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Kế hoạch	Tháng 9/2025
18	Phát triển kinh tế ban đêm.	Sở Công thương	Sở Tài Chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh.	Tổ chức triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Tháng 9/2025
19	Mô hình điểm thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo mục tiêu phát triển đặc khu Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo tại Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 03/11/2022.	Địa phương	Sở ban ngành	Hoàn thành mô hình	Tháng 9/2025
20	Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Sở ban ngành, địa phương		Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2025 và những năm tiếp theo
V	Nhóm nhiệm vụ “Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp”				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
21	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ban ngành	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của tỉnh	Hằng năm
22	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương		Tháng 6/2028
23	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025